

Bản án số: 829/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Định.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lại Hữu Tâm.
- Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 355/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 812/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 636/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt – có đơn xin giải quyết vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Trương Tuấn V1, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: C, ấp C, xã T, huyện B, TP . (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 24/7/2024 - nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:* Bà và ông Trương Tuấn V1 chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 01/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến tháng 10 năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, đến tháng 02/2024 bà đã dọn ra bên ngoài sinh sống, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai. Bà và ông V1

đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Tuấn V1.

Về con chung: Bà và ông Trương Tuấn V1 có 01 con chung tên Trương Tấn Đ, sinh ngày 31/10/2021, hiện trẻ Đ đang sống chung với ông Trương Tuấn V1. Bà yêu cầu giao trẻ Đ cho ông Trương Tuấn V1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trương Tuấn V1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông V1.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị V nộp đơn xin ly hôn đối với ông Trương Tuấn V1. Ông Trương Tuấn V1 hiện đang cư trú tại huyện B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phạm Thị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Trương Tuấn V1 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Tuấn V1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Trương Tuấn V1 đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Phạm Thị V với ông Trương Tuấn V1 nhưng ông V1 không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Trương Tuấn V1 tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Trương Tuấn V1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2021 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị V và ông Trương Tuấn V1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông V1 không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V1 để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ,

theo lời trình bày của bà V thì giữa bà và ông V1 phát sinh mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, bà đã dọn ra bên ngoài sinh sống, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn. Bà và ông V1 đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V1. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông V1 cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị V đối với ông Trương Tuấn V1.

[6] Về con chung: Bà và ông V1 có 01 (một) con chung là trẻ Trương Tấn Đ, giới tính nam, sinh ngày 31/10/2021. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu giao con chung trẻ Đ cho ông V1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Xét thấy, trẻ Đ dưới 36 tháng tuổi, bà V yêu cầu giao trẻ Đ cho ông V1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, theo lời trình bày của bà V là hiện trẻ Đ đang sống chung với ông V1. Ông V1 vắng mặt không thể hiện ý kiến về con chung giữa bà V với ông V1 nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà V, nếu sau này ông V1 có tranh chấp về nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, giao trẻ Trương Tấn Đ, giới tính nam, sinh ngày 31/10/2021 cho ông V1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Phạm Thị V cho đến khi ông Trương Tuấn V1 có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà V xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà V xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị V đối với ông Trương Tuấn V1.

Bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Trương Tuấn V1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2021 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị V và ông Trương Tuấn V1 có 01 (một) con chung là trẻ Trương Tấn Đ, giới tính: nam, sinh ngày 31/10/2021. Ông Trương Tuấn V1 được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Trương Tấn Đ; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Phạm Thị V cho đến khi ông Trương Tuấn V1 có yêu cầu.

Bà Phạm Thị V có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà V xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà V xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị V chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà V đã nộp theo biên lai thu số 0033662 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị V và ông Trương Tuấn V1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim Định**